

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78/2014/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định về việc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi
trên đường sắt quốc gia**

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt và Nghị định số 03/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về việc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường sắt quốc gia.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi; quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi (sau đây gọi là doanh nghiệp) và của hành khách, người gửi bao gửi trên đường sắt quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp, hành khách, người gửi bao gửi và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hành khách là người đi tàu có vé hợp lệ.
2. Hành lý là vật dụng, hàng hóa của hành khách mang theo trong cùng một chuyến đi, gồm hành lý xách tay và hành lý ký gửi.
3. Hành lý ký gửi là vật dụng, hàng hóa của hành khách gửi trên toa hành lý của đoàn tàu cùng hành trình.
4. Bao gửi là hàng hóa của người gửi được doanh nghiệp nhận vận chuyển mà người gửi không nhất thiết phải đi cùng chuyến tàu đó.
5. Trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe là trọng lượng tối đa được chở trên toa xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt.
6. Trường hợp bất khả kháng là những trường hợp xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù doanh nghiệp, hành khách, người gửi bao gửi đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Trong vận tải đường sắt, trường hợp bất khả kháng xảy ra do thiên tai, địch họa, dịch bệnh hoặc vì lý do bảo đảm trật tự, an ninh xã hội, tắc đường vận chuyển không do lỗi của doanh nghiệp, hành khách, người gửi bao gửi.
7. Hàng nguy hiểm là hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền quy định.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ TRONG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ, BAO GỬI

Điều 4. Nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi

1. Niêm yết tại nơi giao dịch giữa doanh nghiệp và hành khách, người gửi bao gửi các nội dung theo Thông tư này và các văn bản có liên quan đến việc bán vé, gửi, nhận hành lý, bao gửi; tổ chức giải đáp và hướng dẫn những vấn đề cần thiết cho hành khách, người gửi hành lý, bao gửi.
2. Tại ga, trạm có tổ chức đón, tiễn hành khách phải có nơi đợi tàu, cửa bán vé, phải niêm yết, thông báo công khai tại vị trí dễ quan sát các nội dung sau:
 - a) Giờ tàu, giá vé, giá cước, kế hoạch bán vé. Đối với các tàu bán vé bằng hệ thống điện tử phải thông báo số chỗ còn cho hành khách;
 - b) Danh mục hàng hóa cấm vận chuyển bằng tàu khách;
 - c) Các quy định của doanh nghiệp về trách nhiệm phục vụ hành khách đi tàu;
 - d) Nếu có tổ chức nhận và trả hành lý ký gửi, bao gửi phải có nơi bảo quản hành lý ký gửi, bao gửi; niêm yết giá cước, giá xếp dỡ hành lý ký gửi, bao gửi.

3. Doanh nghiệp phải có các biện pháp kiểm tra, kiểm soát để đảm bảo an toàn, an ninh cho hành khách, hành lý, bao gửi trên tàu, dưới ga.

4. Các loại tàu khách phải có những trang thiết bị theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt.

5. Khi tàu khách đi, đến ga chậm giờ theo lịch trình, đại diện của doanh nghiệp, trưởng tàu phải thông báo kịp thời cho hành khách và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan biết.

6. Các quy định của doanh nghiệp về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi phải phù hợp với các quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được công bố công khai.

7. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 của Điều này, doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi còn phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 97 và Điều 98 của Luật Đường sắt.

Điều 5. Quyền của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi

1. Yêu cầu người đi tàu, hành khách, người gửi bao gửi, người nhận bao gửi mua vé bổ sung khi không có vé hoặc vé không hợp lệ.

2. Được quyền từ chối, đình chỉ vận chuyển hành khách, hành lý, bao gửi đã có vé trong các trường hợp sau đây:

a) Người đi tàu, hành khách, người gửi bao gửi không thực hiện yêu cầu mua vé bổ sung theo quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Hành khách đi tàu không chấp hành các quy định tại Thông tư này, nội quy đi tàu và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Trẻ em từ đủ 10 tuổi trở xuống (nếu không xác định được tuổi thì có chiều cao dưới 1,32 m) mà không có người lớn đi kèm;

d) Người say rượu, người mất trí, người có bệnh truyền nhiễm, người có bệnh tật mà bác sỹ chỉ định không di chuyển hoặc xét thấy có thể nguy hiểm đến bản thân người đó khi đi tàu (trừ trường hợp có người đi cùng trông nom và người có bệnh truyền nhiễm đã được cách ly an toàn);

đ) Do nguyên nhân bất khả kháng hoặc phải vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt theo mệnh lệnh của cơ quan có thẩm quyền như phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ, an ninh, quốc phòng.

3. Ngoài các quyền của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi còn có các quyền quy định tại khoản 1 Điều 97 của Luật Đường sắt.

Điều 6. Nghĩa vụ của hành khách, người gửi bao gửi

1. Thanh toán tiền cước và các chi phí khác theo quy định tại ga đi.
2. Thanh toán tiền cước và chi phí phát sinh khi bị phát hiện chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đầy đủ.
3. Thanh toán các khoản tiền cước và các chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển chưa thu hoặc thu chưa đủ theo quy định tại ga đến.
4. Hành khách đi tàu phải:
 - a) Có vé đi tàu hợp lệ;
 - b) Chấp hành nội quy đi tàu và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - c) Trẻ em từ đủ 10 tuổi trở xuống (nếu không xác định được tuổi thì có chiều cao dưới 1,32 m) đi tàu phải có người lớn đi kèm.
5. Xuất trình đầy đủ vé và giấy tờ hợp lệ cho các nhân viên đường sắt có trách nhiệm kiểm soát khi vào, ra ga, trạm, khi lên tàu, khi ở trên tàu.
6. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này, hành khách, người gửi bao gửi còn phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 99 của Luật Đường sắt.

Điều 7. Quyền của hành khách, người gửi bao gửi

Được quyền từ chối đi tàu, gửi hành lý, bao gửi khi:

1. Doanh nghiệp vi phạm quy định của Thông tư này hoặc các quy định khác thuộc trách nhiệm mà vi phạm đó có thể gây nguy hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến tính mạng, sức khỏe; làm hư hỏng, mất mát hành lý, bao gửi của bản thân hành khách hoặc của người gửi bao gửi.
 2. Doanh nghiệp không vận chuyển đúng chuyến tàu, đúng thời gian ghi trên vé nhưng không thương lượng được với hành khách, người gửi bao gửi để thay đổi.
- Ngoài các quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, hành khách, người gửi bao gửi còn có các quyền quy định tại khoản 1 Điều 99 của Luật Đường sắt.

Chương III **VẬN TẢI HÀNH KHÁCH, VÉ HÀNH KHÁCH**

Điều 8. Vé hành khách, hành lý ký gửi, bao gửi

1. Vé hành khách, hành lý ký gửi, bao gửi là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng vận chuyển hành khách, hành lý ký gửi, bao gửi. Vé hành khách, hành lý ký gửi, bao gửi (vé giấy hoặc vé điện tử) do doanh nghiệp phát hành theo mẫu đã đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

2. Vé hợp lệ là vé do doanh nghiệp phát hành không bị tẩy, xóa, sửa chữa, còn đủ các thông tin và phải đi đúng chuyến tàu, thời gian ghi trên vé. Trường hợp có sửa chữa, tẩy xóa trên vé phải có xác nhận của doanh nghiệp.

3. Khi sử dụng vé điện tử, doanh nghiệp phải hướng dẫn và quy định cụ thể cho hành khách cách sử dụng; quy định về vé hợp lệ; vé không hợp lệ, quy định và hướng dẫn cách giải quyết các phát sinh cho hành khách như việc trả vé, đổi vé, nhờ tàu, thay đổi chỗ trên tàu, tắc đường, để đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của hành khách và của doanh nghiệp như các hình thức vé khác.

Điều 9. Quy định về bán vé hành khách

1. Doanh nghiệp phải tổ chức bán vé tại nhiều địa điểm, nhiều ngày trước thời điểm tàu chạy, nhiều phương thức bán vé tạo điều kiện thuận lợi cho người mua vé.

2. Căn cứ vào từng thời điểm cụ thể, từng loại chỗ, từng loại tàu, doanh nghiệp quy định cụ thể việc ghi họ, tên và số Giấy chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu, Giấy phép lái xe, Thẻ Đảng, Giấy khai sinh đối với trẻ em) của hành khách trên vé.

Điều 10. Miễn giảm giá vé

Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện việc miễn, giảm giá vé cho các đối tượng chính sách xã hội khi đi tàu hỏa theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Mua vé đi tàu tập thể

1. Tổ chức có nhu cầu mua vé tập thể đi tàu phải lập danh sách ghi rõ họ tên từng người trong đoàn và họ tên trưởng đoàn để phối hợp với doanh nghiệp giải quyết các vấn đề phát sinh trong hành trình đi tàu. Tập thể đi tàu phải đi cùng trên một chuyến tàu, có cùng ga đi.

2. Doanh nghiệp khi bán vé phải lập từng vé cá nhân cho từng thành viên trong đoàn theo mức giá vé tương ứng với loại chỗ, loại tàu ghi trên vé của hành khách.

Điều 12. Mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe khách

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe khách trong đoàn tàu thì việc mua vé, trả lại vé, đổi vé theo quy định Điều 11 và Điều 15 của Thông tư này và phải có các trách nhiệm sau:

a) Không cho khách lên vượt quá số chỗ trên toa xe;

b) Phối hợp với doanh nghiệp để quản lý số khách trên toa xe, cụm toa xe đã mua vé đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

2. Doanh nghiệp khi bán vé phải lập từng vé cá nhân cho hành khách thực tế trên toa xe, cụm toa xe.